

NHÌN VỀ PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC

Phật Giáo được truyền vào nước Trung Hoa vào khoảng năm 67 sau TL “do vua Hán Minh Đế nằm mộng thấy người vàng bay trước điện, ngài hỏi các quan, có người nói là Phật. Vua bèn sai sứ sang nước Đại Nhục Chi chép kinh đem về, sau đó dựng chùa, tạo tượng Phật, người theo đạo bắt đầu từ đó”. Điều này được xác nhận bởi Mâu Tử trong sách ‘Lý hoặc Luận’: nước ta dưới thời Bắc thuộc của Tùy Văn Đế (603-617), vua Tùy là một phật tử thuần thành, sau khi đã tạo nhiều công đức với Phật Pháp, muốn đem giáo lý truyền sang nước ta, đã được nhà sư Đàm Thiên (người gốc Trung Á) ngăn cản như sau: “Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc, Phật Giáo truyền vào Trung Hoa chưa phổ cập đến Giang Đông mà xứ ấy đã xây ở Luy Lâu (Trị sở của Giao Châu) hơn 20 bảo tháp, độ được hơn 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi. Thế là xứ ấy theo đạo Phật trước ta”.

Qua nhiều thế kỷ theo Đạo Phật, người Tàu đã hoàn toàn Trung-Hoa-hóa đạo Phật và không cần biết đến sự hiện hữu cũng như Giáo Pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhìn lên bàn thờ của một Chùa Tàu chúng ta không tìm thấy Phật Thích Ca ở đâu. Hỏi ra thì họ chỉ tượng Phật to lớn ngồi giữa hai tượng khác gọi chung là Tam Thế Phật: Phật quá khứ, Phật hiện tại (Thích Ca) và Phật tương lai (Di Lặc). Ông Di Lặc đâu đã thành Phật mà phải thờ ông ngang hàng với Phật Thích Ca? Họa hoằng lắm họ chỉ thêm tượng một em bé đang

một tay chỉ thiên, một tay chỉ địa, tượng trưng cho bồ tát Sĩ Đạt Ta lúc mới đản sinh ra đời. Em bé đó đâu đã thành Phật mà được leo lên bàn thờ chung với chư Phật khác!

Phật giáo Trung Hoa là PG của các Tổ Sư, chứ không phải là PG của Đức Thích Ca Mâu Ni. Họ đã tạo ra hơn 10 Tông phái khác nhau: Thiền Tông, Tịnh Độ Tông, Pháp Tướng Tông (còn gọi là Duy Thức Tông), Thiên Thai Tông, Hoa Nghiêm Tông, Câu Xá Tông, Luật Tông, Tam Luận Tông, Thành Thật Tông, Niết Bàn Tông,...

Mỗi tông phái có 1 tổ sư riêng, căn cứ trên 1 quyển kinh hoặc 1 bộ kinh và cách hành đạo khác nhau. Chúng ta có thể nói đó là một nền **Phật giáo hỗn hợp** (synchrétisme)

Chúng ta thử nghiên cứu vài tông phái có ảnh hưởng lớn tại VN.

a/ **Thiền Tông** : theo lịch sử truyền thừa thiền tông của Tàu, người ta tưởng rằng Bồ Đề Đạt Ma đem pháp Thiền từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa năm 520 và được tôn vinh là Đệ Nhứt Tổ Thiền Tông Trung Hoa. Rồi ai đó đã dựng lên lịch sử truyền thừa từ ngài Ca Diếp (coi như là Tổ thứ nhứt của thiền tông Ấn Độ) đến Bồ Đề Đạt Ma là tổ thứ 28 của Ấn Độ, dựa trên câu chuyện «**Niêm Hoa Vi Tiếu**» được kể như sau : một hôm Đức Phật đang thuyết pháp tại hội Linh Sơn, giữa đại chúng có hơn 1.000 người. Phật không nói một lời mà cầm một cành hoa sen giơ cao lên trước thánh chúng. Mọi người đều yên lặng, duy chỉ có ngài Ca Diếp mỉm cười, vì ngộ được tôn ý của Phật. Phật bèn truyền tâm ấn cho ngài Ca

Diếp và bảo rằng: ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, nay giao phó lại cho ông, có nghĩa là tâm ta đã thấu rõ được nguyên lý cấu tạo nên vũ trụ vạn vật, nay ta truyền lại cho ông. Câu chuyện «Niêm Hoa Vi Tiểu» đã bị các nhà học Phật vạch rõ là không có thật, là bịa đặt, vậy thì cả cái lịch sử truyền thừa từ ngài Ca Diếp cho tới Bồ Đề Đạt Ma bị sụp đổ như lâu đài xây trên cát. Ngay cái sự truyền thừa từ ngài Ca Diếp xuống tới ngài A Nan cũng không có thật. Trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ có bao giờ Phật nói truyền cho ngài Ca Diếp làm thầy hướng dẫn về thiền đầu. Cũng như ngài A Nan học trực tiếp từ tam sư của ngài và ở Đức Phật vì ngài ở kề cận bên Đức Phật mỗi ngày, chớ có học với ngài Ca Diếp ngày nào đâu? Ngài A Nan xuất gia lúc 37 tuổi được hướng dẫn về giới luật bởi vị A la hán Belatthasisa và được dạy dỗ giáo pháp bởi ngài Punna Mantāniputta. Về sau A nan đã thuật lại với các bạn tăng rằng chính nhờ ngài Punna mà ông đã thâm nhập giáo lý Khổ, Vô thường, Vô ngã để ông bắt đầu gặt hái kết quả của đời sống Nhập Lưu (Tu Đà Hườn).

Sau 45 năm hoằng Pháp, lúc gần tịch diệt, Ngài Anan hỏi Phật : « Sau khi Thế tôn nhập Niết Bàn, chúng con sẽ lấy ai làm thầy ? » « Này Anan, hãy tự coi chính con là hải đảo, là chỗ nương tựa của con ; hãy xem giáo pháp như hải đảo, chỗ nương tựa của con, không nên tìm nương tựa ở bên ngoài. Này Anan, một thầy tỷ khưu phải sống cách nào để coi chính mình là hải đảo, là chỗ nương tựa của mình, không tìm nương tựa bên ngoài. Đây này Anan, một thầy tỷ khưu sống tinh tấn, giác tỉnh, chánh niệm, từ khước mọi tham ái trong

thế gian, luôn luôn phát triển tâm định đối với thân, thọ, tâm và pháp ». Nếu câu chuyện «Niêm Hoa Vi Tiểu» là có thật thì Đức Phật đáng lẽ phải nói «hãy coi Ngài Ca Diếp là thầy».

Theo sử gia Dumoulin (Zen Buddhisme: A history, 2005) câu chuyện Niêm Hoa Vi Tiểu chỉ là một huyền sử của Phật giáo Trung Hoa, không thấy ghi trong Chánh Tạng Nam truyền lẫn Bắc truyền, mà chỉ thấy ghi trong kinh sách của Trung Hoa. Đầu tiên được ghi trong quyển **Thiên thánh quang đăng lục** (Tiansheng guangdeng lu) do cư sĩ Lí Tuân Úc, Li Zunxu, của tông Lâm Tế, đời Tống, biên tập năm 1036. Về sau Hối Ông Ngô Minh, Huiweng Wuming, ghi thêm chi tiết trong quyển **Liên Đăng hội yếu** (Liangdeng huiyao) vào năm 1183. Quyển này ghi lại hệ thống truyền thừa của Thiền tông: từ 7 vị Phật quá khứ, Đức Phật Thích ca Mâu-ni, 28 vị tổ Ấn-Độ, truyền đến 6 vị tổ Trung Hoa và khoảng 600 vị thiền sư TH khác. (nguồn:

<http://budsas.blogspot.com/2011/05/niem-hoa-vi-tieu.html>)

Về lịch sử truyền thừa thiền tông tại Trung Hoa, người đầu tiên đến Trung Hoa truyền dạy Pháp thiền là ngài An Thế Cao (An Shigao, người nước An Tức, Parthe), đến Trung Hoa năm 166 truyền dạy thiền **Quán Niệm Hơi Thở** Ànàpànasati, là pháp thiền của Đức Phật đã dạy lúc ngài còn tại tiền.

Người thứ hai đến Trung Hoa năm 247, ba thế kỷ trước Bồ Đề Đạt Ma, là ngài Khương Tăng Hội người Giao Châu (Việt Nam), dạy Pháp thiền **Lục diệu Pháp Môn** ở tại Kiến Nghiệp (Nam Kinh ngày nay) dưới thời Tam Quốc, thuộc nhà Đông Ngô. Như vậy phải kể ngài là Nhị Tổ Thiền Tông Trun Hoa,

còn ngài An Thế Cao là Sơ tổ mới đúng. Chúng ta có thể khẳng định dựa trên lịch sử là Bồ Đề Đạt Ma không phải là người đầu tiên đến Trung Hoa để truyền bá Pháp Thiền.

Các sử gia Tây Phương, Tây Tạng, Nhật Bản đi tra tìm lịch sử Phật giáo Ấn Độ, không thấy tài liệu nào ghi lại tên tuổi của Bồ Đề Đạt Ma : như quyển lịch sử PG Ấn Độ của sử gia Tây Tạng Tàrapathà viết năm 1608. Học giả P.Pelliot đưa ra nhiều chứng cứ lý lẽ đáng nghi ngờ về sự thực lịch sử của Bồ Đề Đạt Ma. Giáo sư Phùng Hữu Lan, trong quyển "Précis d'histoire de la philosophie chinoise" () cũng không tin về sự hiện hữu của Bồ Đề Đạt Ma. Học giả Nhật Bản Hajime Nakamura trong quyển " The ways of thinking of Eastern people " trang 202 cũng nói như thế. Theo họ những thiền sư về sau muốn làm tăng uy tín cho Tông phái mình phải bịa đặt ra nhân vật Bồ Đề Đạt Ma và dựng nên lịch sử truyền thừa từ ngài Ca Diếp cho tới Bồ Đề Đạt Ma cho có vẻ chính thống là đã được truyền thừa từ Đức Phật.

Xét về hành trạng Bồ Đề Đạt Ma ta cũng thấy tính cách hoang đường. Truyền thuyết cho rằng BĐĐM là con trai thứ ba của một vị vua ở miền Nam Ấn Độ, «thông minh tuyệt vời, học gì cũng hiểu tường tận» (Truyền đăng lục), sau bỏ nhà đi tu, đảnh Pháp, bỏ nước sang Tàu vào năm 520 để truyền đạo. Vượt biển ra khơi 3 năm mới tới Tàu vào triều đại nhà Lương. Vua Lương Võ Đế hay tin, thỉnh vào cung để vấn đạo. Sau vài ba câu chuyện, vua tỏ vẻ bất bình. Vua là một phật tử thuần thành, đã từng cất chùa, dựng tháp, in ấn kinh sách.

-vua hỏi ông : như vậy có công đức gì không ?

-ông trả lời : không có công đức gì cả

-vua hỏi tại sao? -ông trả lời việc vua làm chỉ là phước hữu-lậu, có quả nhỏ trong vòng nhân thiên.

-vua hỏi : vậy ông là ai ? -ông trả lời không biết

-vua tức giận bãi triều.

Ông lo sợ vượt sông lên hướng Bắc, tới Lạc Dương, thuộc Hà Nam, ngụ trong chùa Thiếu Lâm ở núi Tung Sơn. Mỗi ngày ngồi day mặt vào tường trong 9 năm trời. Ông đắc Pháp mà không độ được vua Lương Võ Đế. Trong 9 năm trời không đi hoằng Pháp, truyền đạo, mà chỉ truyền được cho ngài Huệ Khả, sau khi ngài đã đứng suốt đêm trong tuyết lạnh và phải chặt một cánh tay dâng lên ông để tỏ lòng chân thành cầu khẩn. Một thiền sư chứng đắc mà nỡ để cho người học trò hủy hoại thân thể mới truyền dạy đạo thì từ bi của ông để ở đâu?

Về cái chết của ông cũng rất ly kỳ. Có thuyết cho rằng BDDM sống đến 150 tuổi, cuối cùng bị đầu độc và được an táng tại Hà Nam. Có thuyết cho ông chết năm 536, hưởng thọ 97 tuổi; sau có sứ giả Tống Văn đi sứ Ấn Độ về, gặp ông tại núi Thông Lãnh, tay xách một chiếc dép; Tống Văn hỏi:

-ngài đi đâu? -về Ấn Độ

-ngài lại nói thêm : ông chủ đã chán đời rồi!

Tống Văn về triều thì vua Minh Đế đã thăng hà. Ông thừa lại với vị vua kế vị, vua ra lệnh mở quan tài ra, quả nhiên không thấy xác, chỉ còn một chiếc dép.

Bây giờ ta hãy xét **tinh yếu** thiền của Thiền Tông Trung Hoa:

Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật.

Tạm dịch : Không lập chữ nghĩa

Truyền ngoài giáo pháp
Chỉ thẳng lòng người
Thấy tánh thành Phật

Lâu nay người ta vẫn tưởng lời dạy này là của BĐDM, nhưng theo sử gia Heinrich Dumoulin () những điều này xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ 11, rất lâu sau khi BĐDM đã mất. Mặc dù vậy bài kệ này đã thành tôn chỉ của thiền tông Trung Hoa và cả ở Á Châu nữa.

"Truyền ngoài giáo pháp" nghĩa là không qua giáo pháp, không cần giáo pháp? Nhìn lại cuộc đời Đức Phật, trong 45 năm hoằng Pháp, ngài đã du hành khắp vùng châu thổ sông Hằng để dạy dỗ, giáo hóa chúng sanh. Biết bao nhiêu nhân sinh được tế độ, trong đó có cả chư thiên và nhân loại. Không có một thiền sư nào dạy thiền rõ ràng, rành mạch hơn Đức Phật. Ngoài hai bài kinh chánh dạy thiền "Niệm hơi thở ra vô" (Ànàpàna-sati) và "Kinh Tứ Niệm Xứ" (Satipatthana sutta), rải rác trong tạng Kinh Đức Phật còn giảng dạy rất

nhieu về thiền. Nay Thiền tông với một khoác tay muốn xóa bỏ cả công đức của Đức Phật, thật là vô ơn và tội lỗi. Nhưng điều này tai hại vô cùng cho hậu thế. Cho nên những người theo phái Zazen Nhật Bản, họ không cần tìm hiểu giáo pháp, chỉ biết ngồi xuống thiền mà thôi. Trong khi Trí Tuệ của Phật giáo phải trải qua 3 giai đoạn: Trí Văn (học hỏi giáo pháp), Trí Tư (suy nghĩ tìm hiểu), Trí Tu (thực hành giáo pháp). Nếu bỏ 2 giai đoạn đầu thì làm sao hiểu rõ Pháp để mà tu, làm sao để đạt trí tuệ giải thoát được? Tu đâu phải chỉ có ngồi xuống thiền là đủ.

Tới câu "Trực chỉ nhân tâm". Điều này đòi hỏi người thầy phải đạt tới một trình độ Thần-thông nào đó để có thể soi sáng tâm cho người đệ tử. Ngay như Đức Phật và một số các Đại Đệ tử, các ngài đã đặc Lục Thông (Nhãn, Nhĩ, Thần-thông, Tha-tâm thông, Túc-mạng thông, Lậu-tận thông) mà các ngài còn không áp dụng để "trực chỉ nhân tâm" các môn sinh. Các ngài chỉ hướng dẫn con đường hành đạo, mỗi môn sinh phải tự cứu độ. Không ai có thể giải nghiệp cho mình cả.

Sau cùng "Kiến Tánh thành Phật". Tánh ở đây có nghĩa là Tánh Phật (Buddhi-carita) hay Tánh giác (Nàna-carita). Kiến Tánh là giác ngộ. Thiền tông Trung Hoa vào thời 6 tổ (khoảng năm 500-700) chia làm 2 trường phái: phía Nam với Huệ Năng và các đệ tử Thần Hội, Pháp Hải thì chủ trương Đốn ngộ, nghĩa là giác ngộ tức khắc, toàn diện; phía Bắc với Thần Tú, Phổ Tịch, Nghĩa Phúc thì chủ trương Tiệm ngộ là ngộ từ từ trải qua nhiều giai đoạn, cấp độ. Tu nào mà chẳng phải tiệm tu, chắc chắn không có đốn tu rồi. Nhưng

ngộ nào mà chẳng phải là Đốn ngộ. Vì giác ngộ xảy ra như một cơn sét, phá tan bầu trời vô-minh và đốt cháy phiền não. Nhưng toàn diện hay không thì phải xét lại. Người hành giả đó đã tiêu diệt được bao nhiêu kiết sử (phiền não)? Theo Phật giáo, giác ngộ toàn diện xảy ra ở các vị Phật: Toàn giác, Độc giác và Thinh văn giác (A-la-hán). Các ngài đã tiêu diệt hoàn toàn 10 Kiết sử: thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, trạo cử, vô minh. Còn những vị thánh hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) còn phải tiếp tục tu tập nữa.

b/ **Tịnh Độ Tông** còn gọi là **Chân Tông** hay **Tịnh Thổ Chân Tông**:

Tông phái này được phổ biến rộng rãi tại Trung quốc, Nhật bản và Việt Nam do ngài Huệ Viễn (334-416) sáng lập tại Trung Hoa và được Pháp Nhiên phát triển tại Nhật Bản. Đặc điểm của Tông phái này là lòng tin mãnh liệt nơi Phật A-di-đà và sức mạnh cứu độ của ngài. Pháp tu của Tịnh Độ tông rất dễ dãi chỉ cần niệm danh hiệu Phật A di đà và quán tưởng thế giới Tây Phương Cực Lạc, cầu sanh về thế giới này khi chết thì sẽ được Phật A di đà cứu độ về xứ của ngài.

Chúng ta không biết là có thể xếp Tịnh Độ Tông vào Phật giáo Đại thừa được không? Vì tu theo Đại thừa là phải thực hành Lục độ : bố thí, trì giới, tham thiền, tinh tấn, nhẫn nại và trí tuệ; phải dùng ý chí và sức mạnh tinh thần để tự giải thoát cho mình và cho người chứ đâu có ỷ lại chờ sự cứu rỗi của tha nhân? Pháp tu Tịnh Độ hoàn toàn trái ngược hẳn với Đại thừa Phật giáo: không cần bố thí, không cần trì giới,

không cần tham thiền... Những người sáng lập chủ trương rằng Phật Giáo đang ở trong thời mạt pháp, phải tìm con đường tu tắt, dễ dãi để về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A di đà.

Tìm hiểu sâu xa về nguồn gốc của Tịnh Độ Tông, ta được biết kinh A Di Đà được truyền bá sang Trung Quốc năm 147 bởi một ông hoàng Ý Lăn (Iran) tên Ngan-Che-Kao, sanh trưởng tại Kushan. Đến thế kỷ thứ V, ông Cưu-Ma-La-Thập, là con của một vị công chúa tại Koutcha cũng thuộc xứ Iran, sang Trung Hoa có giảng **kinh A Di Đà**. Vào thời khoảng đó người xứ Iran nửa tu theo Phật giáo, nửa tu theo đạo Mazdéisme (Thiện Ác nhị nguyên giáo). Ông Cưu Ma La Thập khi qua Tàu có dịch cuốn kinh A Di Đà ra chữ Hán. Quyển kinh này chỉ là một bản tóm tắt của **kinh Đại Thừa Vô-Lượng-Thọ Trang Nghiêm** (ĐTVLTTN); Hai quyển kinh này cùng với **kinh Quán Vô lượng thọ**, tạo thành 3 quyển kinh chánh của Tịnh Độ Tông. Kinh ĐTVLTTN bắt đầu bằng một bài giảng của đức Phật Thích Ca cho A nan , trong đó đức Phật kể về một tỳ kheo tên Pháp Tạng - lúc chưa thành Phật (A Di Đà?) – đã nêu lên 48 thệ nguyện nếu thành Phật sẽ thực hiện: đó là xây dựng một cõi Tịnh độ để tiếp dẫn những ai muốn thác sinh về đó.

Người phật tử chân chính thắc mắc kinh ĐTVLTTN có đề cập đến Phật Thích Ca và ngài A nan thì tại sao trong Tam Tạng kinh điển Nam truyền không thấy nói tới quyển kinh này? Hai nữa vị tỳ kheo Pháp Tạng đó đã thành Phật chưa để

tạo nên cõi Tịnh Độ? Những người phật tử chánh tín đặt câu hỏi:

- Thế giới Cực Lạc này có thật không? Sao nó không giống một cõi trời nào hết trong vũ-trụ-quan của Phật giáo và Ấn Độ giáo ?

- Cầu nguyện suông khi chết có vào được thế giới đó không?

Nếu câu trả lời là **có** thì tốt cho người tu theo Tịnh Độ Tông. Nếu câu trả lời là **không**, thì một lần nữa những người phật tử lại bị Phật giáo Trung Hoa gạt gẫm.

c/ **Pháp Tướng Tông (hay Duy Thức Tông)**

Pháp tướng Tông Trung Hoa do Huyền Trang (600-664) và đệ tử là Khuy Cơ (632-682) sáng lập dựa trên bộ kinh ***Thành Duy Thức Luận*** là tên gọi chung cho hai tác phẩm của Thế Thân: Nhị-thập-luận và Tam-thập-luận. Gọi Duy Thức là nói tất cả mọi hiện tượng của thế giới bên ngoài đều do tâm tạo và không tồn tại thật sự. Gọi Pháp-Tướng là vì tông này chuyên nghiên cứu về «Tướng của các Pháp» và xem toàn bộ thế giới do 100 pháp tạo thành, được chia làm 5 nhóm:

- Tâm pháp có: 8
- Tâm sở-hữu có: 51
- Sắc pháp có: 11

- Tâm bất tương ưng hành pháp có: 24

- vô vi pháp có: 6

Nên lưu ý là Duy thức tông Ấn Độ (còn gọi là Du Già hành tông) do hai anh em Vô-Trước và Thế-Thân sáng lập ở thế kỷ thứ 4 sau công nguyên. Duy Thức Tông Ấn Độ còn thấy cách tu là các đệ tử thực hành Du già (yoga), thiền định quán tưởng để phát huy hạnh nguyện Bồ Tát. Trong khi Pháp tướng tông Trung Hoa chỉ thấy ngồi tham luận lý thuyết rồi còn đưa ra quan điểm là *không công nhận mỗi chúng sinh đều có Phật tính và có thể đắc quả Phật*. Sau đời Đường, Pháp tướng tông bị mất uy tín vì lý do này và tàn lụi dần.

Bây giờ xét qua luận thuyết Duy Thức của 2 anh em ông Vô Trước và Thế Thân. Duy Thức hay còn gọi là Duy Tâm vì 3 chữ Tâm, Ý, Thức đều đồng nghĩa theo truyền thống Thượng Tọa Bộ. Kinh Lăng Già của Phật giáo Bắc tông cũng xem ba chữ này là đồng nghĩa. Chính ngài Vô Trước trong Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahayana sangraha) đã viết «theo Thanh Văn thừa ba chữ này là đồng nghĩa». Nhưng riêng ông, đã chia Thức uẩn làm 3 thành phần và định nghĩa như sau :

-Tâm (citta) là Tàng thức hay A-lại-da thức (àlaya vijnàna), bảo lưu tất cả chủng tử, trường dưỡng tất cả tập khí của toàn bộ thân tâm này.

-Ý (mana) hay Mạt-na thức chính là sự chuyển
biến, thể hiện của Tàng thức thành tư duy, biện luận và luôn

tự có khuynh hướng chấp ngã với tập nhiễm của 4 thứ phiền não : ngã kiến, ngã ái, ngã mạn và vô minh.

-Thức (vijñāna) chính là lục thức: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thức. Đó là quan điểm của Duy Thức học của hai anh em Vô trước và Thế thân. Như vậy chỉ có 8 loại thức.

Ta nhận thấy trong 8 loại thức này không có thức nào thanh tịnh và tốt lành cả. Người ta thắc mắc vậy những tâm Thiện, những tâm của các vị đã chứng đắc các tầng thiền, tầng thánh, tâm chư vị Bồ Tát được xếp loại ở đâu? Đây là 1 sự thiếu sót cố ý hay vô tình? Nên nhớ là 2 ông đã theo học nhiều năm với Nhất Thiết Hữu Bộ mà Vi Diệu Pháp rất gần với Thượng Tọa bộ.

Lại nữa Duy Thức chủ trương tất cả mọi hiện tượng con người cảm nhận được đều là bản thể của Thức, ngoài thức đang cảm nhận thì không có gì hiện hữu, không có một đối tượng khách thể độc lập, chỉ có Thức hiện hữu như một chân đế cùng tột. Chỉ ở Thức, do Thức không thôi, dưới sự chi phối của Vô Minh, sinh khởi những ảo tưởng về một chủ thể (ta) và một khách thể (thế giới bên

ngoài) cả hai đều không có thật.(xem Đại cương về Duy thức học/ Tuệ Hạnh/ thuvienhoasen.org).

Thế giới bên ngoài được so sánh bằng 8 ẩn dụ: trò ảo thuật, ảo ảnh thị giác, ảo tưởng, giấc mộng, ánh trăng dưới nước, một tiếng vọng, một thành thị trên không, một bóng ma (xem Philippe Cornu (8). Khi phủ nhận thế giới ngoại tại, Duy thức học mang một lập trường Duy Tâm tuyệt đối.

Mặc dù phủ nhận sự hiện hữu của thế giới bên ngoài, nhưng Duy thức cũng phải chấp nhận có 6 trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu không thì 6 thức cảm nhận được cái gì nếu không có cảnh? Như vậy là Duy thức cũng đã vượt ngoài Triết học Phật giáo khi bỏ qua 4 đại tố **đất, nước, lửa, gió** và chỉ kể có 11 yếu tố vật chất là 5 căn và 6 trần.

Đức Phật với quan điểm trung đạo, không Duy Tâm lẫn Duy Vật. Ngài chủ trương Tâm và Vật đều hiện hữu và ảnh hưởng lên nhau qua nguyên lý Duyên Sinh và Duyên Hệ.

Theo Vi Diệu Pháp, Phật giáo đưa ra *28 yếu tố thuộc vật chất* (28 sắc pháp) không phải chỉ có 11 sắc pháp như theo Duy Thức và *121 thức bao gồm tất cả các loại tâm mà con người*

phàm hay thánh có được, không phải chỉ có 8 thức . Duy Thức như một bản "tam sao" của Vi Diệu Pháp hay một bản nguyên luận về Chánh pháp.

1- Nguyên lý **Duyên Sinh** hay thuyết “Thập Nhị Nhân Duyên” nói về 12 yếu tố chủ yếu liên quan Nhân, Quả với nhau để hoàn thành diễn trình sinh tử, tử sinh của chúng sanh trong vòng luân hồi. Nguyên lý này có thể được phát biểu như sau :

“Khi cái này có, cái kia có

Khi cái này không có, cái kia không có”

Thập Nhị Nhân Duyên là 12 khoen xích trói chặt con người trong vòng sanh tử luân hồi : Vô Minh => Hành => Thức => Danh Sắc => Lục Nhập => Xúc => Thọ => Ái => Thủ => Hữu => Sanh => Lão Tử (=> Vô Minh...).

2- **Duyên Hệ** : là nguyên lý đề cập một cách rất ráo chi tiết tương quan giữa hai yếu tố có thể là vật chất hay tinh thần, khái niệm hay chân đế (réalité); đồng thời còn cho biết đặc tính của sự liên hệ giữa hai yếu tố : không gian, thời gian, tương sinh, tương khắc, hỗ

tương, sức mạnh, tương đồng, tương phản, có mặt, vắng mặt, lập lại, nhân quả...

Có tất cả 24 điều kiện, có thể được phát biểu một cách tổng quát như sau :

*“Khi cái này **có**, cái kia **không có***

*Khi cái này **không có**, cái kia **có***

*Cái **sinh sau** trợ duyên cho cái **sinh trước** (hoặc ngược lại)*

*Cái **yếu** trợ duyên cho cái **mạnh** (hoặc ngược lại)*

Nguyên lý Duyên Sinh và Duyên Hệ đưa ra những điều kiện chánh yếu và phụ thuộc để đưa tới một kết quả như lâu nay ta vẫn thường nói mà không đưa ra chi tiết : phải có thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Cũng như khi nấu cơm, chúng ta phải kể hết những yếu tố : gạo, nước, nồi, lửa... Nếu người nông dân không sản xuất gạo thì tất cả những yếu tố khác đều vô ích. Nguyên lý Duyên Sinh cốt cho thấy *điều kiện cần* ở đây là gạo. Còn nguyên lý Duyên Hệ bổ túc các *điều kiện đủ* còn lại để có cơm.

Nếu theo quan điểm Duy Thức thì **Thập Nhị Nhân Duyên** sẽ trở thành *Thập Nhân Duyên* thôi vì phải bỏ

khoen Danh Sắc, chỉ có Danh là đáng kể thôi mà !Sắc không được kể tới. Lại nữa khoen Lục Nhập cũng phải bỏ đi vì Lục Nhập là Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn và Ý căn là hệ thần kinh của 5 giác quan và của não bộ, tất cả đều là Sắc pháp.Chúng ta đều biết 12 Nhân Duyên là Triết lý căn bản sâu xa của Đức Phật để giải thích tại sao con người bị trôi chạt trong vòng sanh tử luân hồi.

Cũng theo quan điểm Duy Thức thì **Ngũ Uẩn** chỉ còn *Tứ Uẩn* thôi, nghĩa là chỉ có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta đều biết Ngũ Uẩn là giáo lý căn bản của đạo Phật để giải thích bản thể con người và giải thoát là giải thoát khỏi gông cùm của Ngũ uẩn thủ.

Nếu theo quan điểm này thì Phật cũng chỉ sẽ giảng dạy pháp hành *Tam Niệm Xứ* thay vì **Tứ Niệm Xứ**, nghĩa là phải bỏ niệm Thân. Đây là pháp hành chánh yếu của Đức Phật để vượt thoát luân hồi.

Nếu theo Duy Thức thì toàn bộ giáo lý và Pháp Tu của Đức Phật sẽ bị phá vỡ hoàn toàn. Phải chăng các nhà Bà La Môn đã len lỏi vào các bộ phái để làm suy tàn PG đến nỗi PG đã bị gần như bứng gốc khỏi Ấn Độ. Vì tông tích của Thế

Thân cũng rất đáng nghi ngờ: mẹ là Bà La môn, ông xuất gia theo Hữu Bộ, lên tận Cachemire, «nơi tàng trữ Đại-Tỳ-Bà-Sa là thánh điển quan trọng bậc nhất của Hữu Bộ, một trong 11 Bộ phái của Thượng Tọa Bộ, không lưu truyền ra ngoài và Thế Thân đã mai danh ẩn tích ở đây 3 năm để nghiên cứu. Sau có ngài tôn giả Ngộ Nhập, nhờ thiên định mà nhận ra Thế Thân, khuyên nên lánh về phương Nam, vì ở đây đồ chúng có thể làm hại, khi tung tích Thế Thân bị bại lộ» (xem Tư tưởng A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, Thích Mãn Giác(2). Sau khi trốn khỏi Hữu Bộ, ông bắt đầu giảng Tỳ Bà Sa, mỗi ngày tóm tắt các lời giảng thành bài kệ, được tất cả là 600 bài kệ. Tôn chỉ của Hữu Bộ là không được truyền giảng ra ngoài. Ông làm như vậy có phải là để phá hoại Hữu Bộ không? Một số tăng chúng rất hoan hỉ đua nhau tìm đọc cho rằng Thế Thân truyền bá giáo lý của họ. Riêng ngài Ngộ Nhập bảo đồ chúng rằng đó không phải là truyền bá Hữu Bộ, hãy đợi Thế Thân giải thích ra bằng văn xuôi thì biết. Quả thật sau khi viết xong luận giải mới biết là Thế Thân đã chống phá Hữu Bộ «và ở đoạn kết luận ông có nói rằng nếu

những điều ngài trình bày có sai lạc thì duy chỉ có Phật mới phê phán được mà thôi. (sách đã dẫn (2)). Lúc đó Phật đã không còn, làm sao có thể phê phán được. Ông đưa ra một điều kiện bất khả thi để khóa chặt lý lẽ của ông, để không ai có thể bắt bẻ được. Thật là một con người đầy gian xảo và ngã mạn.

Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam hàng thế kỷ trước Trung Hoa (vào TK thứ II-III trước Tây Lịch) với sử tích Tiên Dung con gái vua Hùng Vương và chồng là Chử Đồng Tử được nhà sư Phật Quang, người Thiên Trúc (Ấn-Độ) truyền pháp cho tại núi Quỳnh Viên nằm tại cửa Nam-Giới hay cửa Sót, ngày nay có tên là Nam-Giới-Sơn. Hai vợ chồng bỏ việc buôn bán, theo nhà sư để tu học và trở thành người thiện nam và tín nữ Phật tử đầu tiên của dân Việt. (Lịch sử PGVN, Tập 1, Lê Mạnh Thát).

Do đó có những thiền sư và giảng sư nổi tiếng đã sang Trung Hoa truyền đạo :

-Thiền sư Khương Tăng Hội (205-280) đã sang TH truyền đạo năm 255, ba thế kỷ trước Bồ Đề Đạt Ma, đã thu phục cha con Ngô Tôn Quyền thời Tam Quốc và chết bên đó.

-TS Huệ Thắng (432-502) được quan Tổng Đốc Lưu Hội (Liu Ze) mời sang TH hoàng pháp vào năm 487.

-TS Đạo Thiên (?-527) thông kinh điển, giỏi giới luật, được vua Tào giao cho điều khiển tăng chúng, ngài đã cho xuất gia hàng ngàn sư TH và tịch tại đó năm 70 tuổi.

Chúng ta phải hành diện về nền Phật Học VN. Chúng ta không cần phải học hỏi ở TH về Phật Giáo hay ngay cả về Không Giáo và Lão Giáo nữa. Học giả Mâu Tử (160-230), một trí thức TH thời Hán Linh Đế đem mẹ xuống Giao-Châu tị nạn chiến tranh loạn lạc (thời Sĩ Nhiếp cai trị nước ta). Thông suốt Nho Lão nhưng không tin theo, vì ông thử tu theo Đạo Lão trong 3 năm, thực hành pháp trường sinh bất tử, với 3 ông thầy tự xưng là sẽ sống 300 năm, nhưng đã chết trước 50 tuổi. Ông cải đạo theo Phật giáo, viết lên quyển Lý Hoặc Luận, đem Đạo Phật đối chiếu với Đạo Khổng Lão để trả lời những chống đối của giới sĩ phu Tào. So sánh với Đạo Phật, ông cho Khổng Lão như hang khe với giếng Trời, Khổng Lão chỉ là ngọn đuốc đối với mặt trời, Khổng Lão chỉ là hoa lá đối với trái quả (Lịch sử PGVN, Nguyễn Tài Thư, nxb Khoa học Xã hội, trang 62)

Phật Giáo Trung Hoa là đạo đa thần : thờ đủ loại Phật, Bồ Tát và Thần Linh, đầy những mê tín dị đoan, do tín ngưỡng truyền thống của người Trung Hoa.

Sau hơn 70 năm dưới chế độ cộng sản, chùa chiền bên Tàu chỉ còn 15.000, sư sãi còn 100.000 so với trước 1949 là 40.000 ngôi chùa và 500.000 sư sãi (theo thống kê 2006, giảng sư Zhe Ji thuộc đại học Inalco, Paris 13)

Chánh quyền Trung cộng hiện tại muốn làm sống lại Khổng Giáo, các viện Khổng học mọc ra khắp thế giới với sự tài trợ của chánh quyền cộng sản. Các nước Tây Phương đã hiểu ý đồ của TQ, một số đã đóng cửa những viện này. Khổng giáo không phải là một tôn giáo, mà chỉ là một triết thuyết chính trị. Nước Việt nam phải sáng suốt, không nên rơi vào những sai lầm của tiền nhân; như Bình Định Vương Lê Lợi, đánh đuổi quân Minh giành lại độc lập cho đất nước, nhưng khi lên ngôi lại lấy Nho Giáo làm quốc giáo, phớt bỏ nền học thuật Tam Giáo Đồng Nguyên của các triều đại Lý, Trần. Phật giáo nước ta suy dần từ đó. Phật giáo VN phải thoát Trung trong tư tưởng, cương quyết trong hành động, mới mong thoát khỏi vòng nô lệ văn hoá một lần nữa.

THƯ MỤC

- Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma, Phạm Công Thiện, Tân-Ý-Thức, 1964
 - Thiền sư Tăng Hội, Nhất Hạnh, An Tiêm
 - Lịch sử Phật Giáo Việt Nam, Tập 1, Lê Mạnh Thát, nxb Thuận Hóa
 - Lịch sử PGVN, Viện Triết Học, chủ biên Lê Tài Thư, nxb Khoa Học Xã Hội
 - Phùng Hữu Lan (Fong Yeou-Lan), Précis d'histoire de la philosophie chinoise, Payot, 1952
 - Hajime Nakamura, The way of thinking of Eastern people,
 - Heinrich Dumoulin, Zen Bouddhism : A History in India and China, Macmillan, 1988
 - Chọn đường tu Phật, Trùng Quang cư sĩ, Phật Bảo Tự
 - Vi-Diệu-Pháp Nhập Môn, Tỳ khưu Giác Chánh, nxb Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh
 - Luận Thành Duy Thức, Hán dịch : Huyền Trang, Việt dịch và chú Tuệ Sỹ, nxb Hồng Đức
 - Thuyết Nhân Duyên, Tuệ Thiện, thuvienhoasen.org
 - [Thuvienhoasen.org](http://thuvienhoasen.org)
 - Chimvietcanhnam.blogspot.com
- (18/09/2025)

TUỆ THIÊN
